

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Giao rừng cho Ban Quản lý rừng phòng hộ trực thuộc Sở Nông nghiệp và
Môi trường tỉnh Lai Châu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ hồ sơ đề nghị giao rừng của Ban Quản lý rừng phòng hộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 5347/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao 136.140,72 ha rừng phòng hộ, trong đó:

- Rừng tự nhiên **135.870,88 ha**, trạng thái rừng gồm: rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo, rừng nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng, rừng tre nứa và rừng hỗn giao; tổng trữ lượng là **9.563.193,63 m³**.

- Rừng trồng **269,84 ha.**

Vị trí tại 37 xã, phường cụ thể như sau:

STT	Xã, phường	Diện tích rừng giao (ha)			Ghi chú
		Tổng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
Tổng		136.140,72	135.870,88	269,84	
1	Phường Đoàn Kết	546,21	546,21		
2	Phường Tân Phong	1.025,26	1.023,19	2,07	
3	Xã Bình Lư	6.744,29	6.694,81	49,48	
4	Xã Bản Bo	3.067,58	3.055,37	12,21	
5	Xã Bum Nưa	8.415,50	8.415,50		
6	Xã Bum Tở	6.088,75	6.088,75		
7	Xã Đào San	3.682,07	3.682,07		
8	Xã Hồng Thu	1.269,54	1.269,37	0,17	
9	Xã Hua Bum	8.687,05	8.687,05		
10	Xã Khổng Lào	2.625,29	2.625,29		
11	Xã Khoen On	1.811,20	1.811,20		
12	Xã Khun Há	3.451,77	3.446,64	5,13	
13	Xã Lê Lợi	1.988,46	1.988,46		
14	Xã Mường Kim	1.505,54	1.494,55	10,99	
15	Xã Mường Khoa	2.365,84	2.365,84		
16	Xã Mường Mô	7.088,92	7.088,92		
17	Xã Mường Than	1.308,16	1.305,80	2,36	
18	Xã Mù Cả	848,14	845,11	3,03	
19	Xã Nậm Cuối	759,99	759,99		
20	Xã Nậm Hàng	4.252,34	4.252,34		
21	Xã Nậm Mạ	334,15	334,15		
22	Xã Nậm Sỏ	1.789,66	1.789,66		
23	Xã Nậm Tăm	3.055,31	3.055,31		
24	Xã Pắc Ta	3.272,98	3.272,98		
25	Xã Pa Ủ	10.366,31	10.366,31		
26	Xã Pa Tần	4.776,54	4.776,54		
27	Xã Pu Sam Cáp	3.970,86	3.970,86		
28	Xã Phong Thổ	1.618,03	1.576,53	41,5	
29	Xã Sì Lở Lầu	5.450,83	5.450,83		
30	Xã Sìn Hồ	1.160,59	1.160,07	0,52	

STT	Xã, phường	Diện tích rừng giao (ha)			Ghi chú
		Tổng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
31	Xã Sin Suối Hồ	7.186,95	7.186,95		
32	Xã Tân Uyên	5.286,84	5.286,57	0,27	
33	Xã Tà Tổng	5.203,11	5.203,11		
34	Xã Tả Lèng	2.734,49	2.734,49		
35	Xã Tủa Sín Chải	4.748,82	4.740,20	8,62	
36	Xã Than Uyên	2.183,49	2.050,00	133,49	
37	Xã Thu Lũm	5.469,86	5.469,86		

Ghi chú: Diện tích, trạng thái, trữ lượng, ranh giới giao rừng nêu trên được xác định trên cơ sở kết quả theo dõi diễn biến rừng năm 2025 của Ủy ban nhân dân các xã, phường và Ủy ban nhân dân tỉnh đã công bố và các tài liệu chuyên môn có liên quan.

- Tổ chức được giao rừng: Ban Quản lý rừng phòng hộ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu.

Do ông: Ngô Văn Quang, chức vụ Phó Giám đốc (phụ trách) làm đại diện hợp pháp của tổ chức được giao rừng.

Số CCCD: 024081000873.

Địa chỉ: Tổ 27, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

- Thời gian được giao rừng: Thực hiện theo thời hạn giao đất đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

- Tổ chức được giao rừng có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng diện tích rừng được giao đúng mục đích theo các quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Thông báo cho tổ chức được giao rừng có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý rừng của Nhà nước.

2. Trao quyết định giao rừng cho tổ chức được giao rừng.

3. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan và tổ chức được giao rừng xác định cụ thể mốc giới và bàn giao rừng trên thực địa.

4. Thực hiện việc chỉnh lý, cập nhật hồ sơ quản lý rừng, hồ sơ quản lý đất lâm nghiệp đã giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và tổ chức được giao rừng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V1, Kt1;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (Đăng tin);
- Lưu: VT, Kt9.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải